

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PCCC TH ENG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PCCC TH ENG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TH ENG PCCC AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TH ENG PCCC AND CONSTRUCTION.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301208781

**3. Ngày thành lập:** 27/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phố Ngô Nhân Triệt, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0985054887

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống phun nước chữa cháy                                                                       | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                           | 4390     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                            | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                           | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                            | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị phục vụ cứu nạn, cứu hộ; thiết bị chống sét công nghệ cao; thiết bị chống trộm. | 4659     |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                  | 4661     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                       | 4663     |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                             | 4669     |
| 12. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                     | 9511     |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Giám sát lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.                                      | 7110     |
| 14. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét                                                                                                 | 7120     |
| 15. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4730     |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                  | 2220     |

Thời gian đăng từ ngày 27/04/2022 đến ngày 27/05/2022

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511        |
| 18. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo động chống trộm        | 7730        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 21. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315        |
| 22. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                        | 3830        |
| 23. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                       | 3900        |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 25. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 27. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 28. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 29. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 30. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 31. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 33. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 34. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 36. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống báo động chống trộm; Chuông báo cháy; Dây dẫn và thiết bị điện; Hệ thống chiếu sáng                                 | 4321(Chính) |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị bảo hộ lao động, cứu nạn, cứu hộ, cứu sinh                                        | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 900.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ DANH<br>HÙNG | Thôn Đông, Xã<br>Tam Giang,<br>Huyện Yên<br>Phong, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 297.000       | 2.970.000.000            | 33,000       | 125173667                                                                                                              |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Tổng số                            | 297.000       | 2.970.000.000            | 33,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN VĂN<br>TÚ  | Thôn Minh<br>Thanh, Xã Minh<br>Lộc, Huyện Hậu<br>Lộc, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 297.000       | 2.970.000.000            | 33,000       | 0380880323<br>05                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                    | Tổng số                            | 297.000       | 2.970.000.000            | 33,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                   |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN CÔNG BUN | Thôn Đoài, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 306.000 | 3.060.000.000 | 34,000 | 027087003457 |
|   |               |                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                   | Tổng số                   | 306.000 | 3.060.000.000 | 34,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN CÔNG BUN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027087003457

Ngày cấp: 22/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đoài, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đoài, Xã Tam Giang, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh